

NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG

TRƯỜNG NGHĨA VỀ "THIÊN NHIÊN" TRONG THƠ HỒ CHÍ MINH

SEMANTIC FIELD OF 'NATURE' REFLECTED IN

HO CHI MINH'S POEMS IN VIETNAMESE

PHẠM TẮT THẮNG
(TS, Viện Ngôn ngữ học)

Abstract

In semantics, the term 'semantic field' has been used to refer to groups of words whose meanings are related semantically. This term is coined in semantics to analyse structures and developments of meanings of words. As a result, better understanding would be emerged and this is useful for daily communication activities.

With semantic field approach, this paper describe and to a certain extent, analyses the 'nature' reflected in poems written by Ho Chi Minh in Vietnamese in order to discover the poetic value of words.

1. Sơ lược về khái niệm trường từ vựng- ngữ nghĩa

1.1. Như đã biết, mỗi từ trong hệ thống từ vựng của một ngôn ngữ không tồn tại một cách rời rạc, độc lập, mà chúng có mối quan hệ và liên hệ với nhau ở một phạm vi và mức độ nhất định nào đó về nghĩa.

Chẳng hạn, khi nhắc đến từ "*chiến tranh*" là người ta có thể liên tưởng đến các từ có mối quan hệ với từ đó như "*súng, đạn, xe tăng, máy bay, bom, mìn, nổ, cháy, binh lính, sĩ quan, chết, bị thương, hi sinh, chiến đấu, tác chiến,...*". Mỗi một tập hợp từ có quan hệ với nhau về nghĩa (meaning) như vậy tạo thành một tiểu hệ thống ngữ nghĩa được gọi là "trường từ vựng", "trường nghĩa" hay "trường từ vựng- ngữ nghĩa" (*semantic field*).

Việc nghiên cứu trường nghĩa góp một phần rất quan trọng vào việc phân chia các lớp từ vựng cũng như vạch ra mối quan hệ bản chất giữa các nhóm từ trong một lớp, giữa các từ trong một nhóm. Lí thuyết trường nghĩa còn giúp chúng ta

nhìn nhận một cách hệ thống về quá trình phát triển nghĩa của từ và cơ cấu nghĩa của nó trong hệ thống từ vựng của một ngôn ngữ.

Đánh giá về vai trò của hiện tượng đó, Đỗ Hữu Châu viết: " (...) *tập hợp từ vựng có sự đồng nhất ngữ nghĩa xét theo một phương diện nào đấy (...) để phát hiện ra tính hệ thống và cấu trúc của hệ thống từ vựng về mặt ngữ nghĩa*" [DHC, 2].

Trong từ vựng học, người ta cũng nói về mối quan hệ về nghĩa giữa các từ thể hiện qua các hiện tượng như: từ đa nghĩa, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa. Tuy nhiên, sự khác biệt giữa trường nghĩa với các hiện tượng đó thể hiện ở chỗ: từ đa nghĩa thể hiện quan hệ về nghĩa trong một từ, từ đồng nghĩa và từ trái nghĩa thể hiện mối quan hệ về nghĩa giữa các từ trong một nhóm, còn trường nghĩa thể hiện quan hệ về nghĩa của một tập hợp gồm nhiều nhóm từ vựng khác nhau.

Như vậy, phạm vi quan hệ về nghĩa trong trường từ vựng- ngữ nghĩa thể hiện một cách rộng hơn, bao quát hơn các mối quan hệ về nghĩa khác. Có thể xem trường từ vựng- ngữ nghĩa như một hình chóp nón, mà đỉnh của nó là một từ

chính, từ trung tâm hay từ khoá (key word) mang ý nghĩa bao trùm lên toàn bộ cơ cấu ngữ nghĩa của những từ khác (gọi là từ ngoại vi) trong phạm vi ảnh hưởng của nó. Có thể hình dung khái niệm trường từ vựng- ngữ nghĩa bằng một ví dụ sau đây:

Trường ý niệm về "người" hay "con người" bao gồm các nhóm từ chỉ các mối quan hệ về nghĩa với nó như: về giới tính có các từ "nam, nữ, gái, trai, đàn ông, đàn bà, phụ nữ,..."; về tuổi tác có các từ như: *già, trẻ, thiếu niên, thanh niên, trung niên,...*; về quan hệ thứ bậc trong gia đình có các từ: *ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em, cháu, chất,...*; về ngoại hình có các từ: *cao, thấp, béo, gầy, lùn, dong dỏng,...*; về tính cách các từ "tốt, xấu, hoạt bát, nhanh nhẹn, chậm chạp,..."; về hoạt động có các từ "nói, cười, ăn, nằm, thương, nhớ,..."; về sức khỏe có các từ: *khỏe, yếu, bệnh tật, hom hem,...*; về nghề nghiệp có các từ "công nhân, nông nhân, giáo viên, học sinh, bác sĩ, nghệ sĩ,..."; về trình độ văn hóa có các từ "trung học, cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ,..."; về chức vụ có các từ "*chủ tịch, giám đốc, trưởng phòng, hiệu trưởng,...*"; về tên riêng như: *Nguyễn Văn Nam, Vũ Thị Nữ, Chí Phèo, Thị Nở, v.v.* Đến lượt mình, mỗi từ trong một nhóm từ như vậy lại có thể kết hợp với những từ trong nhóm khác làm thành mạng lưới các mối quan hệ gồm nhiều tầng bậc rất phức tạp.

Ví dụ, trong tiểu trường về "hoạt động" của con người lại có thể phân loại thành các nhóm trường nhỏ hơn nữa như:

- Hoạt động chân tay như: *đi, đứng, chạy, đập, sút, tát, đấm, đá, thui, quai,...*

- Hoạt động bằng miệng như: *nói, hát, ho, kêu, gào, hét, la, mắng, thối, huyt,...*

- Hoạt động trí óc như: *nghĩ, tư duy, nghiên cứu, suy tư, suy tưởng, suy luận, suy xét, suy đoán, phán xét,...*

Để phân biệt các kiểu quan hệ ngữ nghĩa trong trường từ vựng- ngữ nghĩa, các nhà từ vựng học thường nói đến các nhóm trường từ vựng- ngữ nghĩa (tạm gọi là "trường nghĩa" hay "trường") như: trường biểu vật và trường biểu niệm (quan hệ trên trục dọc), trường tuyến tính (quan hệ trên

trục ngang) và trường liên tưởng (quan hệ trong sử dụng).

Nói đến "trường biểu vật" hay "trường biểu niệm" là nói đến những từ có quan hệ với từ trung tâm về nghĩa biểu vật hay nghĩa biểu niệm. Tất nhiên, những từ này phải có mối quan hệ cùng phạm trù với từ trung tâm.

Chẳng hạn, các từ: *móng, tường, kèo, cột, rui, mè, mái, hiên,...* nằm trong quan hệ biểu vật với từ "nhà" hoặc *nóng, lạnh, rét, giá, buốt, ẩm, oi, bức,...* nằm trong quan hệ biểu niệm với từ "nhiệt độ".

Nói đến "trường tuyến tính" là nói đến những từ có khả năng kết hợp với từ trung tâm làm thành một ngữ đoạn kiểu như: *trời cao, trời xanh, trời mưa, trời nồm,...* hoặc *cổng trời, vòm trời, ông trời,...*

Nói đến "trường liên tưởng" là nói đến những từ có mối liên hệ về nghĩa với từ trung tâm theo quan hệ so sánh trong các hoạt động giao tiếp. Theo mối quan hệ này, ý nghĩa của các từ biên không chỉ biểu hiện ở những thông tin bề nổi xuất hiện do mối quan hệ chiều dọc hay chiều ngang với từ trung tâm, mà nó còn nằm ở tầng sâu mang ý nghĩa lịch sử- văn hóa và phụ thuộc vào đặc tính tâm lí của mỗi cá nhân.

Chẳng hạn, khi nói về từ "hoa" với tư cách là một thực thể sinh vật, người ta thường liên hệ đến các từ cùng trường biểu vật hay biểu niệm với nó như: *đài, cuống, cánh, nhụy,...* hay *tươi, khô, tàn, héo,...* Tuy nhiên, trong thực tiễn sử dụng, người Việt còn dùng từ "hoa" để thay thế cho một bộ phận cơ thể người. Chẳng hạn, trong Truyện Kiều, đại thi hào Nguyễn Du đã sử dụng từ "hoa" để nói về "khuôn mặt" và "cái miệng" của người con gái đẹp trong hai câu thơ: "*Lại càng ỏ dột nét hoa*" và "*Hoa cười ngọc thốt đoan trang*" (Truyện Kiều - Nguyễn Du).

Trong ngôn ngữ học, thuật ngữ "trường liên tưởng" cũng có người dùng để thay thế cho thuật ngữ "trường từ vựng- ngữ nghĩa".

Sẽ là khiếm khuyết nếu như nói đến trường từ vựng- ngữ nghĩa mà không nhắc đến trường nghĩa bao hàm và hiện tượng chuyển trường từ vựng- ngữ nghĩa.

Khác với trường nghĩa biểu vật hay biểu niệm, trường nghĩa bao hàm thể hiện quan hệ phụ thuộc giữa các nhóm trường nghĩa trong một trường lớn. Nói cách khác, tất cả những từ trong nhóm trường nghĩa biểu vật hay trường biểu niệm không tồn tại một cách rời rạc, độc lập với nhau, mà phụ thuộc vào nhau theo quan hệ tôn ti trật tự nhất định. Mỗi quan hệ đó làm thành một kết cấu chặt chẽ để tạo nên một trường từ vựng- ngữ nghĩa. Cần phải nói thêm rằng, trong trường nghĩa bao hàm, các đơn vị từ vựng phải được tổ chức theo một trật tự logic, phù hợp với quy luật tồn tại khách quan của sự vật và phù hợp với quá trình nhận thức của con người.

1.2. Xuất phát từ quan niệm về trường nghĩa như đã nói ở trên, chúng tôi tiến hành khảo sát trường nghĩa về "thiên nhiên" trong thơ tiếng Việt của Hồ Chí Minh. Mục đích của bài viết này là nhằm tìm hiểu cách sử dụng ngôn từ của Hồ Chí Minh trong sáng tác văn học khi viết về đề tài thiên nhiên dưới góc nhìn của lý thuyết trường nghĩa trong ngôn ngữ học.

2. Trường từ vựng-ngữ nghĩa trong thơ Hồ Chí Minh

2.1. Như đã biết, Hồ Chí Minh không chỉ là một nhà hoạt động cách mạng vĩ đại, mà còn là một nhà văn hóa lớn của dân tộc Việt Nam. Bên cạnh sự nghiệp cách mạng, Người còn dành nhiều thời gian để sáng tác văn thơ để ca ngợi sự nghiệp cách mạng, ca ngợi thiên nhiên, ca ngợi đất nước và con người. Chỉ riêng về thơ, Hồ Chí Minh đã sáng tác bằng hai thứ tiếng: tiếng Hán và tiếng Việt. Thơ viết bằng chữ Hán của Bác, xuất hiện chủ yếu trong tập "Nhật kí trong tù". Còn thơ sáng tác bằng tiếng Việt của Bác có tất cả 66 bài và 10 vắn thơ lẻ khác. Trừ tập "Nhật kí trong tù", toàn bộ những bài thơ sáng tác bằng tiếng Hán và tiếng Việt đã được Nhà xuất bản văn học sưu tầm và xuất bản lần đầu tiên vào năm 1975 tại Hà Nội với tên gọi là "Thơ" (HCM, 6).

Điều đáng chú ý là, trong tập thơ đó, bên cạnh hình ảnh về con người, *thiên nhiên luôn chiếm vị trí khá nổi bật trong sáng tác của Hồ Chí Minh*. Người đã dành nguồn cảm hứng đặc biệt cho thiên nhiên. Trong 66 bài thơ viết bằng tiếng Việt

(không kể 10 vắn thơ lẻ), Hồ Chí Minh đã sử dụng hình ảnh của thiên nhiên làm tên gọi cho 13 bài thơ của mình. Hầu như bài thơ nào cũng có mối liên hệ ít nhiều với thiên nhiên. Bài thơ đầu tiên và bài thơ cuối cùng Bác đều lấy chủ đề về thiên nhiên - đó là bài "Pác- Bó hùng vĩ" (viết năm 1941) và bài "Mừng xuân 1969" (viết năm 1969). Điều đáng chú ý là, Bác đã sử dụng khoảng gần 100 đơn vị từ vựng để gọi tên các sự vật, hiện tượng thuộc về thiên nhiên trong các bài thơ viết bằng tiếng mẹ đẻ của mình. Chỉ tính riêng từ "xuân", thì tần số xuất hiện của nó trong các bài thơ cũng lên đến 20 lần.

Nếu chỉ căn cứ vào số lượng, thì các đơn vị từ vựng liên quan đến các hiện tượng tự nhiên trong thơ Bác không nhiều. Nhưng dưới bàn tay sáng tạo của nghệ sĩ, các phương tiện ngôn ngữ đó liên kết với nhau làm thành một mạng lưới các mối quan hệ nhiều chiều rất đa dạng để tạo nên bức tranh đa sắc màu về thiên nhiên.

Có thể hình dung bức tranh về "thiên nhiên" trong thơ Bác được thể hiện qua các nhóm trường nghĩa theo các kiểu quan hệ sau đây:

2.2. Nhóm trường nghĩa theo quan hệ dọc

Các kiểu trường nghĩa thể hiện trên trục dọc thường được nói đến là trường nghĩa biểu vật và trường biểu niệm. Trong thơ Bác, hai kiểu trường này tập hợp thành 8 nhóm sau đây:

- Nhóm gọi tên các sự vật, hiện tượng xuất hiện trong vũ trụ có các từ: *trời, trăng, sao, mưa, gió, xuân*.

Ví dụ: *Ám no không đợi trời cho,*

Người làm ra nước, sức to hơn trời

(Mở mang thủy lợi)

- Nhóm gọi tên các sự vật, hiện tượng xuất hiện trên mặt đất có các từ: *nước, suối, sông, biển, núi, núi lửa, hang, đá, ghò, đồi, ghềnh, ruộng*.

Ví dụ: *Sáng ra bờ suối tối vào hang*

Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng

(Tức cảnh Pác- Bó)

- Nhóm gọi tên thực vật có các từ: *cây, cành, cội, bẹ, măng, búp, hoa, bông, cỏ, quả, cam*

Ví dụ: *Trẻ em như búp trên cành*

Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan

(Kêu gọi thiếu nhi)

- Nhóm gọi tên các loài côn trùng và động vật có các từ: *ong, nhộng, cáo, hạc, cò, trâu, bò, vượn, voi, chim, chuột.*

Ví dụ: *Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay*

Vượn hót chim kêu suốt cả ngày

(Cảnh rừng Việt Bắc)

- Nhóm gọi tên các sản vật tự nhiên có các từ: *mật, ngô nếp, thịt rừng, chè,*

Ví dụ: *Khách đến thì mời ngô nếp nướng*

Săn về thường chén thịt rừng quay

(Cảnh rừng Việt Bắc)

- Nhóm trường gọi tên kim loại và khoáng sản có các từ: *than, bạc, vàng*

Ví dụ: *Bao nhiêu cửa cái kho tàng*

Ai đào bạc, ai luyện vàng mà nên?

(Công nhân)

- Nhóm biểu thị sự hoạt động của các sự vật và hiện tượng trong giới tự nhiên có các từ: *soi, tắt, cháy, cháy, bén, thổi, quạt, che, đưa, đẩy, chờ, hót, kêu, chiếu, nung, nóng chảy.*

Ví dụ: *Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay*

Vượn hót chim kêu suốt cả ngày

(Cảnh rừng Việt Bắc)

- Nhóm biểu thị trạng thái, tính chất của các hiện tượng tự nhiên có các từ sau đây: *sáng, xa xa, thênh thang, màu hồng, trong sạch, nặng, leo lét, đầu hiu, nghi ngút, lún phún, ào ào, ầm ầm, sáng tóe, sáng choang, mịt mù, xanh xanh, lặng ngắt, vắng teo, hiếm hoi, tan hoang, xác xơ, tung bay, ngọt, trọc, tươi, hay, trong, non xanh, nước biếc, hạn hán, tan hoang.*

Ví dụ: *Dòng sông lặng ngắt như tờ*

Sao đưa thuyền đẩy, thuyền chờ trăng theo

(Đi thuyền trên sông Đáy)

2.3. Nhóm trường nghĩa theo quan hệ ngang (quan hệ tuyến tính)

Trường tuyến tính là nhóm trường diễn ra theo mối quan hệ ngang giữa các đơn vị từ vựng. Khác với trường nghĩa theo quan hệ dọc (trường biểu vật và biểu niệm) các đơn vị từ vựng theo quan hệ ngang có thể kết hợp với nhau để tạo thành một kết cấu ngữ pháp như: *tiếng suối trong, trắng sáng, trắng lông cò thụ, dòng sông lặng ngắt, vượn hót, chim kêu,...* Đây là những cụm từ thường được cấu tạo theo quan hệ chính- phụ

hoặc quan hệ chủ- vị. Các nhóm trường theo quan hệ ngang diễn ra rất phức tạp do chỗ chúng có thể quan hệ qua lại, chồng chéo với nhau để làm thành một mạng các mối quan hệ rất đa dạng.

Hình ảnh của thiên nhiên trong thơ Bác trở lên một cách sinh động cũng thể hiện chủ yếu vào mối quan hệ của trường này.

Ví dụ: *Tiếng suối trong như tiếng hát xa*

Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa

(Cảnh khuya)

Hoặc:

Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay

Vượn hót chim kêu suốt cả ngày

(Cảnh rừng Việt Bắc)

2. 4. Nhóm trường nghĩa theo quan hệ liên tưởng

Khác với nhóm trường nghĩa theo quan hệ dọc và ngang, các nhóm trường nghĩa theo quan hệ tưởng trong thơ Bác được hình thành chủ yếu trên cơ sở so sánh giữa các đơn vị trong trường này với các đơn vị thuộc một trường khác dựa vào mối quan hệ tương đồng nào đó về nghĩa.

Chẳng hạn, nhà thơ đã so sánh "*tiếng suối*" với "*tiếng hát*", "*Núi trọc*" với "*đầu bình vôi*", "*trẻ em*" với "*búp trên cành*", ...

Ví dụ: *Núi trọc như đầu bình vôi,*

Sông không có nước, nước hiếm hoi như vàng

(Mở mang thủy lợi)

Những kiểu so sánh các hiện tượng thiên nhiên với các sự vật, hiện tượng khác không thuộc cùng trường với nó như vậy có thể xem như là kiểu trường liên tưởng. Các trường liên tưởng trong thơ Bác tuy không nhiều, nhưng sự xuất hiện của hiện tượng này cũng góp phần quan trọng làm cho bức tranh về thiên nhiên trong thơ Bác cũng trở nên phong phú và sinh động hơn.

2.5. Hiện tượng chuyển trường nghĩa

Khác với trường liên tưởng, hiện tượng chuyển trường từ vựng- ngữ nghĩa trong thơ Hồ Chí Minh thường diễn ra theo hình thức mượn trường nghĩa "*con người*" để nói về các sự vật hiện tượng thuộc về thiên nhiên kiểu như: *Trâu bò lủ lủ ba, hoi trắng, trắng trả lời, châu chấu đá voi, ruộng rẫy là chiến trường,...*

Ví dụ, trong " *Báo cáo chính trị tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ 11 của Đảng Lao động Việt Nam*, ngày 11/2/1951, Hồ Chí Minh đã sử dụng từ " đá" (vốn là một động từ thường được con người hay động vật lớn sử dụng) để gán cho một loại côn trùng nhỏ với hàm ý nói về sức mạnh của dân tộc yếu nhưng chính nghĩa thì vẫn có thể chiến thắng một thế lực phản động có sức mạnh lớn gấp nhiều lần:

*Nay tuy cháu cháu đá voi,
Nhưng mai voi sẽ bị lò ruột ra.*

Hoặc trong một bài thơ khác, nhà thơ đã sử dụng những từ thuộc trường " *quân sự*" để thay cho giới tự nhiên như:

*Ruộng rẫy là chiến trường
Cuộc cày là vũ khí
Nhà nông là chiến sĩ*

(Gửi nông dân)

Việc tác giả sử dụng lối chuyển trường nghĩa như trên trong thơ rõ ràng là có ý nghĩa rất lớn trong việc mở rộng phạm vi biểu đạt của các phương tiện ngôn ngữ. Vì thế, có người coi hình thức phối hợp từ ngữ như vậy có giá trị như là một kiểu "cộng hưởng ngữ nghĩa" trong ngôn ngữ học (ĐVH, 5).

3. Tóm lại, chủ tịch Hồ Chí Minh là một con người có tình yêu bao la. Tình yêu đó Bác đã dành trước hết cho con người và vì con người. Có lẽ vì thế mà Bác đã trở thành nhà hoạt động cách cách mạng vĩ đại trước khi trở thành một nhà thơ. Và khi trở thành nghệ sĩ, Bác lại dành nguồn cảm hứng đặc biệt cho thiên nhiên.

Với Bác, thiên nhiên không chỉ đẹp một cách tự nhiên, vĩnh hằng như nó vốn có, mà còn đẹp vì thiên nhiên luôn gắn bó thân thiết với con người. Và vì gắn bó với con người, nên thiên nhiên trong thơ Bác không lạnh lùng, vô tri vô giác như người ta vẫn tưởng, mà dường như nó có cuộc sống riêng, có tâm hồn riêng. Hãy xem Bác viết khi Người bị mất tự do:

*Trong tù không rượu cũng không hoa
Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*

(Nhật kí trong tù)

Còn khi được trở về với tự do, Bác lại viết:

*Tiếng suối trong như tiếng hát xa
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa
Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.*

(Cảnh khuya)

Đây là hai bài thơ Bác viết bằng hai thứ tiếng khác nhau. Bài *Nhật kí trong tù* được viết bằng tiếng Hán, còn bài *Cảnh khuya* được viết bằng tiếng Việt. Dù viết bằng thứ ngôn ngữ nào thì thơ của Bác vẫn đầy ắp thiên nhiên. Thiên nhiên trong thơ Bác luôn đẹp- một cái đẹp giản dị, trong sáng và luôn song hành cùng với con người.

Chính vì thế, sẽ là rất khiếm khuyết khi nói đến trường từ vựng- ngữ nghĩa về thiên nhiên mà vắng thiếu hình ảnh con người trong thơ Bác. Tuy nhiên, trong khuôn khổ của một bài báo, chúng tôi mới chỉ đề cập đến một số trường từ vựng- ngữ nghĩa thường gặp nhất để ghi lại những sự vật, hiện tượng tồn tại trong thế giới tự nhiên mà chưa thể đề cập đến hình ảnh con người với tư cách là một thực thể quan trọng nhất của thiên nhiên. Mảng đề tài quan trọng này trong thơ Bác sẽ được chúng tôi tiếp tục quan tâm và công bố trong những lần sau.

Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Hữu Châu (1973), *Khái niệm "trường" và việc nghiên cứu hệ thống từ vựng*, T/c Ngôn ngữ, S. 2, H. .
2. Đỗ Hữu Châu (1999), *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb GD, H. .
3. Nguyễn Hữu Đạt (2007), *Nghĩa biểu vật, biểu niệm của từ và việc phân tích chúng trong quá trình tiếp cận hình tượng thơ*, T/c Khoa học ĐHQG, S.1.
4. Nguyễn Thiện Giáp (1995), *Dẫn luận ngôn ngữ học*, Nxb Giáo dục, H.
5. Đỗ Việt Hùng (2010), *Một số khía cạnh ứng dụng trường nghĩa trong hoạt động giao tiếp*, T/c Ngôn ngữ, S.3.
6. Hồ Chí Minh (1975), *Thơ*, Nxb Văn học, H.
7. Lê Quang Thiêm (2005), *Những bước tiến về kiến giải nghĩa của tín hiệu ngôn ngữ*, T/c Ngôn ngữ, S.11.
8. Wallace L.Chafe (1998), *Ý nghĩa và cấu trúc của ngôn ngữ*, Nxb GD.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 29-06-2012)